

Số: 235/BC-CP

Hà Nội, ngày 16 tháng 5 năm 2024

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Nghị quyết số 853/NQ-UBTVQH15 về hoạt động chất vấn tại Phiên họp thứ 25 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XV về lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn

Kính gửi:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Các vị Đại biểu Quốc hội.

Thực hiện Nghị quyết số 853/NQ-UBTVQH15 về hoạt động chất vấn tại Phiên họp thứ 25 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XV. Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Nông nghiệp và PTNT xây dựng Kế hoạch hành động nhằm cụ thể hóa và tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết; tạo sự thống nhất và chủ động của các đơn vị trong việc triển khai thực hiện, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong công tác giải quyết các vấn đề của ngành nông nghiệp, nông thôn mà cử tri, nhân dân, Đại biểu Quốc hội quan tâm. Chính phủ báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết với các nội dung cụ thể như sau:

I. Về việc hoàn thiện chính sách, pháp luật phát triển nhãn hiệu, thương hiệu nông sản chủ lực. Cập nhật, phân tích đánh giá thông tin, diễn biến thị trường một cách toàn diện để dự báo sát tình hình, thận trọng, kịp thời phổ biến, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp vượt qua khó khăn, tận dụng cơ hội thị trường. củng cố các thị trường hiện có, mở rộng các thị trường mới cho nông sản Việt Nam. Đổi mới, nâng cao hiệu quả việc tổ chức truyền thông quảng bá chất lượng đặc thù, vượt trội của nông sản Việt tại thị trường trong và ngoài nước. Đẩy nhanh việc xây dựng và tổ chức thực hiện Đề án “Phát triển hệ thống logistic nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh của nông sản Việt Nam đến 2030, tầm nhìn 2050”.

1. Về hoàn thiện chính sách, pháp luật phát triển nhãn hiệu, thương hiệu nông sản chủ lực

Chính phủ chỉ đạo Bộ Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành, địa phương trong chỉ đạo, điều hành công tác đảm bảo chất lượng, ATTP, chế biến và phát triển thị trường nông lâm thủy sản. Trong đó, đổi mới thương hiệu quốc gia, hiện nay Bộ Công Thương đang là đầu mối triển khai theo Quyết định 1320/QĐ-TTg ngày 8/10/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình thương hiệu quốc gia Việt Nam từ năm 2020 đến năm 2030. Hiện nay, Bộ Nông nghiệp và PTNT đang nghiên cứu xây dựng Nghị định quản lý thương hiệu nông sản Việt Nam. Tuy nhiên, qua đánh giá các căn cứ pháp lý thì

việc xây dựng Nghị định này cần rà soát lại một cách chặt chẽ hơn. Vì vậy, trong các ngày 18/3/2024 và 27/3/2024, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã tổ chức “Hội thảo tham vấn về hoàn thiện chính sách pháp luật xây dựng thương hiệu nông sản” để lấy ý kiến chuyên gia, các cơ quan liên quan về sự cần thiết, nội hàm chính sách pháp luật cần bổ sung và xác định phương thức xây dựng loại hình văn bản quy phạm pháp luật về xây dựng và phát triển thương hiệu nông sản.

2. Về cập nhật, phân tích đánh giá thông tin, diễn biến thị trường một cách toàn diện để dự báo sát tình hình, thận trọng, kịp thời phổ biến, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp vượt qua khó khăn, tận dụng cơ hội thị trường

Chính phủ giao Bộ Nông nghiệp và PTNT phối hợp với Bộ Công Thương, các cơ quan, doanh nghiệp theo dõi sát sao diễn biến giá cả, cung cầu các mặt hàng nông sản thiết yếu (lúa gạo, thịt lợn, rau quả, thủy sản, đường, muối) để cân đối cung cầu, đảm bảo an ninh lương thực trong nước và duy trì xuất khẩu. Nâng cao chất lượng thông tin, dự báo thị trường thông qua phát hành các bản tin thị trường tới các địa phương, doanh nghiệp để có kế hoạch sản xuất, kinh doanh phù hợp theo tín hiệu thị trường. Đẩy mạnh truyền thông quảng bá giới thiệu sản phẩm, địa chỉ bán nông sản an toàn, nhất là theo phương thức online; tăng cường xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu các địa phương theo chuỗi; đẩy mạnh kết nối các doanh nghiệp nông nghiệp trong và ngoài nước thông qua các hình thức hợp tác, liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản... Bộ Nông nghiệp và PTNT đã chỉ đạo các đơn vị chức năng thường xuyên tổ chức các Tọa đàm phổ biến thông tin, quy định thị trường, thị hiệu tiêu dùng nông sản. Thông qua diễn đàn đã giới thiệu và hướng dẫn ứng dụng công nghệ hỗ trợ chuyển đổi số cho đơn vị kinh doanh, HTX; tổ chức các lớp tập huấn trong năm 2023 về kiến thức, kỹ năng tìm kiếm thông tin thị trường, trong đó có giải pháp bán hàng xuyên biên giới cho nông sản Việt; hợp tác với TikTok Việt Nam và các địa phương tổ chức Chợ phiên OCOP trên nền tảng TikTok (Hà Nội, Huế, Lâm Đồng, Ninh Bình...); xây dựng gian hàng thương mại điện tử cho các sản phẩm OCOP của Việt Nam bán hàng tại các sàn thương mại điện tử nội địa hàng đầu của Trung Quốc. Trong năm 2023, Bộ đã tổ chức 05 hội nghị, hội thảo (khắc phục khuyến cáo của EU, nâng cao năng lực tuân thủ tiêu chuẩn thúc đẩy xuất khẩu trái cây nhiệt đới...), 03 Hội chợ (Agro Viet 2023, Festival Làng nghề Việt Nam, Chợ phiên OCOP); 08 diễn đàn, tọa đàm trực tuyến/trực tiếp kết nối nông sản (tại TP. Hồ Chí Minh, Hà Nội, Cần Thơ...) nhằm hỗ trợ người dân, địa phương tận dụng cơ hội, mở rộng thị trường tiêu thụ nông lâm thủy sản.

3. Về củng cố các thị trường hiện có, mở rộng các thị trường mới cho nông sản Việt Nam

Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Nông nghiệp và PTNT cùng các Bộ ngành và các cơ quan chức năng đàm phán mở thêm sản phẩm, kết nối bổ sung doanh nghiệp xuất khẩu đi các thị trường; phát triển thị trường, kết nối tiêu thụ, quảng bá sản phẩm: (i) Tập trung triển khai các hoạt động nhằm thúc đẩy xuất khẩu các mặt hàng nông lâm thủy sản chủ lực vào 03 thị trường lớn là: Trung Quốc (rà soát các vấn đề về mở cửa thị trường, kế hoạch mở cửa các sản phẩm tiềm năng, phát triển thị trường cho các sản phẩm đã mở cửa; tiếp tục tổ chức kết nối giao thương thông

qua các Hiệp hội doanh nghiệp...); Hoa Kỳ (đẩy mạnh kết nối giao thương thông qua hệ thống tham tán nông nghiệp và thương mại, các Hiệp hội doanh nghiệp của Hoa Kỳ để tìm kiếm cơ hội hợp tác với các tiểu bang nhập khẩu nhiều nông sản Việt Nam...), Nhật Bản (tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại bên lề các sự kiện quan hệ ngoại giao hai nước)...; (ii) Mở rộng kết nối xuất khẩu, tổ chức các sự kiện quảng bá giới thiệu nông sản, thực phẩm Việt Nam tới các thị trường tiềm năng, mang lại giá trị gia tăng cao như: Trung Đông, Châu Phi, Hàn Quốc, Úc-New Zealand... (iii) Chỉ đạo tập trung nguồn lực đàm phán giải quyết các rào cản kỹ thuật về an toàn dịch bệnh, ATTP để mở rộng thị trường tiêu thụ nông lâm thủy sản trong và ngoài nước; (iv) Kết nối, đưa sản phẩm tiêu thụ bằng phương thức hiện đại kết nối sàn giao dịch điện tử, các kênh phân phối trong nước và quốc tế. Trong năm 2023, Bộ đã chủ động tập trung nguồn lực, đàm phán giải quyết các rào cản kỹ thuật về an toàn dịch bệnh, ATTP để mở rộng thị trường tiêu thụ NLTS trong và ngoài nước; đã bổ sung 38 cơ sở xuất khẩu thủy sản vào Hàn Quốc nâng tổng số lên 786 cơ sở; 13 cơ sở chế biến thủy sản xuất khẩu vào EU nâng lên tổng số lên 524 cơ sở; 45 cơ sở bao gói tôm sú, tôm thẻ, cua, tôm hùm sống nâng tổng số lên 585 cơ sở xuất khẩu thủy sản vào Trung Quốc; 01 cơ sở cá tra vào Hoa Kỳ nâng tổng số lên 26 cơ sở; 02 cơ sở xuất khẩu thủy sản vào Liên bang Nga nâng tổng số lên 83 cơ sở; 6.997 vùng trồng được cấp mã số xuất khẩu đi các thị trường; 1.613 cơ sở đóng gói được cấp mã số xuất khẩu; bổ sung sản phẩm xuất khẩu (sầu riêng, tổ yến sang Trung Quốc; bưởi Diễn, dưa tươi sang Hoa Kỳ,...).

4. Về đổi mới, nâng cao hiệu quả việc tổ chức truyền thông quảng bá chất lượng đặc thù, vượt trội của nông sản Việt Nam tại thị trường trong và ngoài nước

Chính phủ giao Bộ Nông nghiệp và PTNT triển khai, chỉ đạo toàn Ngành gia tăng số lượng và hình thức phổ biến, giáo dục chính sách pháp luật song song với đẩy mạnh truyền thông quảng bá các sản phẩm, các địa chỉ sản xuất kinh doanh nông nghiệp chất lượng, an toàn góp phần nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của người sản xuất, kinh doanh và người tiêu dùng nông sản thực phẩm; xử lý kịp thời các vấn đề thông tin phản ánh của báo chí về các vụ việc ngộ độc thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của ngành. Công tác phổ biến văn bản QPPL, quy định của Việt Nam và thị trường nhập khẩu về chất lượng, ATTP tới người dân, doanh nghiệp, các bên liên quan được thực hiện kịp thời, thông qua tổ chức các hội nghị, hội thảo; đăng tải trên website của Bộ và phối hợp với Báo, Đài; một số kết quả thực hiện toàn Ngành đến nay: Tổ chức hơn 12.000 hội nghị, hội thảo, phổ biến quy định về đảm bảo chất lượng, ATTP cho gần 2 triệu lượt cán bộ, doanh nghiệp, người dân tham dự; xây dựng và phát sóng 23.577 lượt bản tin trên đài phát thanh, truyền hình, 8.034 lượt tin, bài trên báo điện tử và báo giấy, 43.102 băng rôn, khẩu hiệu, áp phích; 1.481.888 tờ gấp, tờ rơi, tờ dán, poster; 225.674 sổ tay, tài liệu tuyên truyền...Tiếp tục phối hợp với các Báo Nông nghiệp Việt Nam, Đại biểu nhân dân, Nông thôn ngày nay, Đài tiếng nói Việt Nam (VOV2) triển khai hoạt động truyền thông tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật về ATTP và quảng bá nông lâm thủy sản an toàn trong nước và quốc tế nhằm thúc đẩy mở rộng thị trường tiêu thụ.

5. Về đẩy mạnh việc xây dựng và tổ chức thực hiện Đề án “Phát triển hệ thống logistic nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh của nông sản Việt Nam đến 2030, tầm nhìn 2050”

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái tại cuộc họp ngày 11/4/2023 về xây dựng Đề án phát triển logistics gắn với vùng sản xuất, kinh doanh nông nghiệp tại công văn số 141/TB-VPCP ngày 20/04/2023 của Văn phòng Chính phủ, nhằm cụ thể hóa những chủ trương, định hướng lớn của Đảng và Nhà nước liên quan đến lĩnh vực logistics gắn với vùng sản xuất, kinh doanh nông nghiệp, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương và một số Bộ, ngành Trung ương, địa phương có liên quan xây dựng và hoàn thiện Dự thảo đề án “Phát triển hệ thống logistics nhằm nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh của nông sản Việt Nam đến năm 2030”. Trên cơ sở ý kiến góp ý, phối hợp của các Bộ, ngành, địa phương, các cơ quan có liên quan, Bộ đã nghiên cứu, tiếp thu, chỉnh sửa, hoàn thiện Đề án. Ngày 26/12/2023, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã có Tờ trình số 9487/BNN-CCPT trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án. Căn cứ Hồ sơ Đề án, ngày 9/3/2024, Văn phòng Chính phủ đã có văn bản số 1546/VPCP-KTTH thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái về việc hoàn thiện Đề án. Đến nay, Bộ Nông nghiệp và PTNT tiếp tục phối hợp với các Bộ ngành để giải trình, tiếp thu ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ, hoàn thiện trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, ban hành Đề án trong năm 2024.

II. Về Tổ chức sản xuất nông nghiệp bền vững theo mục tiêu, định hướng tại Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững với các giải pháp cụ thể tại các Đề án: “Thí điểm xây dựng vùng nguyên liệu nông, lâm sản đạt chuẩn phục vụ tiêu thụ trong nước và xuất khẩu giai đoạn 2022 - 2025”; “Đảm bảo an toàn thực phẩm, nâng cao chất lượng nông lâm thủy sản gắn với thị trường tiêu thụ”; “Thúc đẩy xuất khẩu nông lâm thủy sản đến năm 2030”

1. Về Đề án “Thí điểm xây dựng vùng nguyên liệu nông, lâm sản đạt chuẩn phục vụ tiêu thụ trong nước và xuất khẩu giai đoạn 2022 -2025” theo Quyết định số 1088/QĐ-BNN-HTHT ngày 25/3/2022.

Đến nay các công trình hạ tầng đã hoàn thành công tác chuẩn bị đầu tư và bắt đầu chuyển sang công tác thi công xây dựng các công trình. Số công trình được trao thầu: 07 công trình giao thông và đã thi công 03 công trình gồm 02 công trình thủy lợi (tỉnh Kiên Giang) và 01 xưởng chế biến gỗ (tỉnh Thừa Thiên Huế).

Về tổ chức sản xuất và quản trị vùng nguyên liệu: Các HTX nông nghiệp đã được thành lập mới và củng cố lại; Giám đốc, cán bộ các hợp tác xã được tham gia đào tạo tập huấn nâng cao năng lực, các HTX được cán bộ trẻ tăng cường về làm việc, hình thành và thành lập được các tổ khuyến nông cộng đồng, doanh nghiệp tham gia liên kết và tiêu thụ sản phẩm cho HTX, nông dân, các công ty công nghệ tăng cường phối hợp với các cơ quan nhà nước tổ chức đào tạo tập huấn cho cán bộ HTX, nông dân ứng dụng công nghệ khoa học phần mềm kế toán HTX, phần mềm nhật ký sản xuất, tham gia sàn giao dịch điện tử sản phẩm OCOP, xây dựng công dữ liệu chung cho vùng nguyên liệu đề án. Ngoài ra các địa phương đã tập

trung thực hiện triển khai hiệu quả các dự án, kế hoạch liên kết theo Nghị định 98, hỗ trợ phát triển sản xuất theo quy trình GAP và chính sách hỗ trợ đất lúa, huy động được sự tham gia và đối ứng kinh phí khá lớn của các HTX, doanh nghiệp. Kết quả đến hết năm 2023, trong các vùng nguyên liệu đã có 56 chuỗi sản phẩm liên kết và 22 dự án/kế hoạch liên kết; có 26 doanh nghiệp tham gia liên kết (trước khi có đề án chỉ có 08 doanh nghiệp); có 60 HTX và 876 hộ nông dân tham gia liên kết. Đã thực hiện cấp được 76 mã số vùng trồng cho các cây trồng như lúa gạo, sầu riêng, xoài với diện tích 3.059 ha trong các vùng nguyên liệu. Về phát triển khuyến nông cộng đồng: Trung tâm Khuyến nông Quốc gia đã thành lập được 26 Tổ khuyến nông cộng đồng với sự tham gia của 168 thành viên tại 13 tỉnh thuộc (02 tổ/tỉnh). Các tỉnh tham gia đề án đã thành lập thêm 49 tổ khuyến nông cộng đồng với sự tham gia của 321 thành viên. Về thúc đẩy tín dụng phát triển vùng nguyên liệu: Bộ Nông nghiệp và PTNT đã ký thỏa thuận hợp tác với Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam trong thực hiện chính sách tín dụng trong phát triển nông nghiệp, nông thôn. Cùng với đó, đơn vị của Bộ Nông nghiệp và PTNT ký thỏa thuận hợp tác với Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam để triển khai chính sách tín dụng theo chuỗi trong đề án vùng nguyên liệu; ký với Công ty bảo hiểm ABIC để phối hợp triển khai các gói bảo hiểm cho các sản phẩm cây trồng trong các vùng nguyên liệu.

2. Về Đề án “Đảm bảo an toàn thực phẩm, nâng cao chất lượng nông lâm thủy sản gắn với thị trường tiêu thụ”

Vấn đề đảm bảo an toàn thực phẩm, nâng cao chất nông lâm thủy sản gắn với thị trường tiêu thụ luôn được Chính phủ tích cực chỉ đạo các Bộ ngành triển khai thực hiện. Bộ Nông nghiệp và PTNT đã tổ chức triển khai các nội dung Đề án, Chương trình về sản xuất nông nghiệp sạch, hữu cơ, tuần hoàn, ứng dụng công nghệ cao, kiểm soát ATTP ngay từ các yếu tố đầu vào và liên kết sản xuất với tiêu thụ, phát triển chuỗi giá trị cung ứng nông sản thực phẩm đảm bảo nguồn cung thực phẩm chất lượng, an toàn cho tiêu dùng trong nước và xuất khẩu: Tính đến nay đã có trên 2.500 chuỗi giá trị được thiết lập duy trì (tương đương cuối năm 2022) với sự tham gia của một số tập đoàn lớn (Dabaco, Ba Huân, Saigon Coop, San Hà ...); cả nước đã có 217.097,9 ha cây trồng được chứng nhận VietGAP và tương đương với 14.048 cơ sở được chứng nhận, tăng hơn so với năm 2022 (205.146,4 ha/13.272 cơ sở); diện tích nuôi trồng thủy sản là 9.367,2 ha được cấp chứng nhận VietGAP và tương đương với 954 cơ sở được chứng nhận, tăng hơn so với năm 2022 (847 cơ sở); 4.882 trang trại và hộ chăn nuôi được chứng nhận VietGAHP tăng hơn so với năm 2022 (3.448 trang trại và hộ chăn nuôi được chứng nhận). Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới là 78% và đều đảm bảo tiêu chí tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ đúng các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm; công nhận 12.075 sản phẩm đạt chuẩn “OCOP 3 sao” trở lên. Bộ Nông nghiệp và PTNT cũng đã chỉ đạo đơn vị chức năng kịp thời phổ biến văn bản QPPL, quy định của Việt Nam và thị trường nhập khẩu về chất lượng, ATTP tới người dân, doanh nghiệp, các bên liên quan được thực hiện kịp thời, thông qua tổ chức các hội nghị, hội thảo; đăng tải trên website của Bộ Nông nghiệp và PTNT và phối hợp với Báo, Đài; Hướng dẫn các cơ quan hữu quan của tỉnh

Quảng Nam triển khai xử lý, khắc phục sự cố ATTP và cung cấp thông tin liên quan việc xảy ra một số vụ ngộ độc do ăn cá chép muối ủ chua ở Quảng Nam; xử lý các vấn đề thông tin phản ánh của báo chí về thủy sản sống...

Bộ Nông nghiệp và PTNT đã chủ động phối hợp chặt chẽ với Bộ Công Thương thực hiện các cơ chế, chính sách đối với công tác xúc tiến thương mại, đàm phán mở cửa, phát triển thị trường để giải quyết kịp thời các vướng mắc thúc đẩy xuất khẩu NLTS; năm 2023 đã bổ sung 38 cơ sở xuất khẩu thủy sản vào Hàn Quốc nâng tổng số lên 786 cơ sở; 13 cơ sở chế biến thủy sản xuất khẩu vào EU nâng lên tổng số lên 524 cơ sở; 45 cơ sở bao gói tôm sú, tôm thẻ, cua, tôm hùm sống nâng tổng số lên 585 cơ sở xuất khẩu thủy sản vào Trung Quốc; 01 cơ sở cá tra vào Hoa Kỳ nâng tổng số lên 26 cơ sở; 02 cơ sở xuất khẩu thủy sản vào Liên bang Nga nâng tổng số lên 83 cơ sở; đã cấp 6.997 mã số vùng trồng, 1.613 mã số cơ sở đóng gói được phép xuất khẩu sang các thị trường Trung Quốc, Hoa Kỳ, Úc, New Zealand, Hàn Quốc, Nhật Bản, EU... ; bổ sung sản phẩm xuất khẩu (Dưa hấu sang Trung Quốc; dưa tươi sang Hoa Kỳ,...); đặc biệt một số mặt hàng nông sản lần đầu tiên đã được xuất khẩu chính ngạch sang Hoa Kỳ, Trung Quốc (Sầu riêng, Tở Yến, bưởi Diễn...); chủ động dự báo, tranh thủ cơ hội từ FTAs để thúc đẩy xuất khẩu.

Gia tăng số lượng và đa dạng phương thức phổ biến vận động sản xuất kinh doanh NLTS đảm bảo chất lượng, an toàn; Gia tăng số lượng, quy mô sản xuất an toàn, bền vững (GAP, hữu cơ...), chuỗi giá trị cung ứng thực phẩm an toàn cho tiêu thụ trong nước và xuất khẩu. Các chương trình giám sát ATTP được duy trì, mở rộng kiểm tra chuyên ngành sang thanh tra đột xuất đã giúp kịp thời phát hiện, cảnh báo, áp dụng các biện pháp khắc phục và xử lý nghiêm túc các vi phạm ATTP.

3. Về Đề án “Thúc đẩy xuất khẩu nông lâm thủy sản đến năm 2030”

Thực hiện Quyết định số 174/QĐ-TTg ngày 05/2/2021 phê duyệt Đề án Thúc đẩy xuất khẩu nông lâm thủy sản đến năm 2030. Để thực hiện Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã ban hành Quyết định số 3939/QĐ-BNN-CBTTNS triển khai thực hiện Đề án. Hiện nay, các địa phương đã xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp tại Đề án. Trong thời gian tới, Bộ Nông nghiệp và PTNT tiếp tục chỉ đạo các địa phương và các đơn vị triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo kế hoạch được phê duyệt hàng năm giai đoạn 2021-2025, 2026-2030 nhằm đạt được các mục tiêu Đề án đề ra về xuất khẩu NLTS.

III. Về triển khai thực hiện hiệu quả các Chương trình điều tra, đánh giá tổng thể nguồn lợi thủy sản và môi trường sống của thủy sản định kỳ theo quy định của Luật Thủy sản để có giải pháp nuôi trồng, khai thác phù hợp; điều chỉnh số lượng, cơ cấu tàu thuyền đối với một số nghề ở vùng biển phù hợp với trữ lượng nguồn lợi thủy sản. Tổ chức thực hiện có hiệu quả Chương trình quốc gia bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản 2023 - 2030. Khẩn trương phê duyệt và triển khai Quy hoạch bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản giai đoạn 2021 - 2030. Rà soát, điều chỉnh, thành lập mới các khu bảo tồn biển cấp quốc gia, cấp tỉnh, nhằm đạt mục tiêu tối thiểu 6% diện tích vùng biển cần bảo tồn. Quản lý tốt hạn ngạch khai thác hải sản; xây dựng chính

sách chuyển đổi nghề, tạo sinh kế cho cộng đồng ngư dân sang các nghề khác, bảo đảm đời sống của ngư dân khi thực hiện các giải pháp bảo đảm nguồn lợi thủy sản; hỗ trợ ngư dân trong thời gian tạm ngừng khai thác thủy sản; xây dựng các chính sách nhằm hỗ trợ các khu bảo tồn biển phát triển bền vững. Phục hồi, tái tạo nguồn lợi cần tập trung các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm, các loài bản địa, đặc hữu; xây dựng các dự án phục hồi hệ sinh thái rạn san hô, cỏ biển, tạo nơi cư trú nhân tạo.

1. Triển khai thực hiện hiệu quả các Chương trình điều tra, đánh giá tổng thể nguồn lợi thủy sản và môi trường sống của thủy sản định kỳ theo quy định của Luật Thủy sản để có giải pháp nuôi trồng, khai thác phù hợp; điều chỉnh số lượng, cơ cấu tàu thuyền đối với một số nghề ở vùng biển phù hợp với trữ lượng nguồn lợi thủy sản

Căn cứ Luật Thủy sản năm 2017, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình điều tra, đánh giá tổng thể nguồn lợi thủy sản và môi trường sống của các loài thủy sản trên phạm vi cả nước định kỳ 5 năm đến năm 2030 (Quyết định số 523/QĐ-TTg ngày 27/4/2022).

Ngày 12/7/2023, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành Quyết định số 2805/QĐ-BNN-KN phê duyệt kế hoạch thực hiện Chương trình điều tra tổng thể nguồn lợi và môi trường sống của các loài thủy sản.

Tại các địa phương, công tác điều tra, đánh giá nguồn lợi thủy sản đã được nhiều địa phương quan tâm thực hiện, trong đó 19/24 tỉnh ven biển đã thực hiện điều tra đánh giá nguồn lợi thủy sản theo chuyên đề và 9 tỉnh thực hiện điều tra nghề cá thương phẩm. Ngoài ra, tại các tỉnh nội đồng có 6 tỉnh đã thực hiện điều tra đánh giá nguồn lợi thủy sản theo chuyên đề và 2 tỉnh điều tra nghề cá thương phẩm.

Hiện nay, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đang chỉ đạo các đơn vị liên quan đề xuất, xây dựng thuyết minh đề cương các Nhiệm vụ/Dự án ưu tiên thuộc Chương trình để triển khai thực hiện.

Kết quả Chương trình điều tra, đánh giá tổng thể nguồn lợi thủy sản và môi trường sống của thủy sản định kỳ theo quy định của Luật Thủy sản là thông tin đầu vào quan trọng để có giải pháp nuôi trồng, điều chỉnh số lượng, cơ cấu tàu thuyền (tổ chức lại sản xuất) đối với một số nghề ở vùng biển đảm bảo phát triển khai thác hải sản vùng khơi hiệu quả, bền vững trên cơ sở giảm dần cường lực khai thác đảm bảo phù hợp với trữ lượng nguồn lợi thủy sản theo đúng định hướng tại Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 11/3/2021).

2. Tổ chức thực hiện có hiệu quả Chương trình quốc gia bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản 2023 - 2030

Ngày 18/01/2024, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 76/QĐ-TTg về việc phê duyệt Chương trình Quốc gia bảo vệ và Phát triển nguồn lợi thủy sản đến năm 2030 với mục tiêu “Bảo tồn, bảo vệ, tái tạo nguồn lợi thủy sản nhằm phục hồi và sử dụng hợp lý, hiệu quả nguồn lợi thủy sản và các hệ sinh thái thủy sinh; gắn hoạt động tuần tra, kiểm tra, kiểm soát, quản lý nguồn lợi thủy sản với hoạt động khai thác thủy sản bền vững, chống khai thác IUU; nâng cao nhận thức

của cộng đồng và xã hội về bảo tồn, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản góp phần phát triển thủy sản bền vững, giữ gìn tính đa dạng sinh học, giá trị tài nguyên sinh vật của Việt Nam; chủ động ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu và nước biển dâng; thúc đẩy tăng trưởng xanh, nâng cao đời sống và sinh kế cho người dân, bảo đảm quốc phòng, an ninh, chủ quyền quốc gia”. Chương trình gồm 6 nội dung thực hiện, 5 nhóm giải pháp và 9 dự án đề án ưu tiên thực hiện trong năm 2025 và giai đoạn 2026-2030.

Ngay sau khi có Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã ban hành văn bản gửi UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương về việc triển khai thực hiện Chương trình (Văn bản số 1334/BNN-KN ngày 01/3/2024). Đến nay đã có 6 tỉnh có văn bản chỉ đạo thực hiện Chương trình, 6 tỉnh đã ban hành kế hoạch thực hiện chương trình. Chính phủ giao Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn rà soát hoàn thiện, ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Chương trình. Trên cơ sở đó tăng cường hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các địa phương thực hiện chương trình nhằm đảm bảo thực hiện đồng bộ, có hiệu quả, đạt được mục tiêu đề ra tại Chương trình.

3. Khẩn trương phê duyệt và triển khai Quy hoạch bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản giai đoạn 2021 - 2030

Ngày 9/5/2024, Thủ tướng chính phủ đã ban hành quyết định số 389/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Chính phủ giao Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu Kế hoạch thực hiện Quy hoạch đề trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định và hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các địa phương triển khai thực hiện Quy hoạch đảm bảo đạt được mục tiêu đề ra.

4. Rà soát, điều chỉnh, thành lập mới các khu bảo tồn biển cấp quốc gia, cấp tỉnh, nhằm đạt mục tiêu tối thiểu 6% diện tích vùng biển cần bảo tồn.

Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban chấp hành Trung ương khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã đưa ra quan điểm “*Phát triển bền vững kinh tế biển trên nền tảng tăng trưởng xanh, bảo tồn đa dạng sinh học, các hệ sinh thái biển; bảo đảm hài hòa giữa các hệ sinh thái kinh tế và tự nhiên, giữa bảo tồn và phát triển, giữa lợi ích của địa phương có biển và địa phương không có biển; đẩy mạnh đầu tư vào bảo tồn và phát triển giá trị đa dạng sinh học, phục hồi các hệ sinh thái biển; quản lý, bảo vệ tốt các hệ sinh thái biển, ven biển và hải đảo; tăng diện tích các khu bảo tồn biển, ven biển đạt tối thiểu 6% diện tích vùng biển tự nhiên quốc gia; phục hồi diện tích rừng ngập mặn ven biển tối thiểu bằng mức năm 2000*”. Chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước nhất quán với mục tiêu: bảo đảm sự phát triển ổn định, bền vững, “không đánh đổi tăng trưởng kinh tế với an ninh môi trường”.

Để đạt được mục tiêu mà Nghị quyết 36-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương đề ra đối với lĩnh vực bảo vệ tài nguyên, môi trường nói chung và lĩnh vực bảo tồn biển nói riêng cần có một chương trình hành động tổng thể, thống nhất từ Trung ương đến địa phương, sự chung tay góp sức của toàn xã hội.

Ngay sau khi Luật Thủy sản năm 2017 và các văn bản hướng dẫn có hiệu

lực, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương thực hiện tốt công tác bảo tồn biển, đồng thời kịp thời giải quyết khó khăn, vướng mắc, chấn chỉnh những hoạt động chưa phù hợp với quy định, quy hoạch hệ thống khu bảo tồn biển Việt Nam. Một số kết quả nổi bật đã đạt được như sau:

- Hàng năm, chủ trì tổ chức Hội nghị giao ban giữa các khu bảo tồn biển, các địa phương nhằm đánh giá kết quả thực hiện bảo tồn biển trong năm và định hướng giải pháp cho các năm tiếp theo.

- Ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc các địa phương đẩy nhanh tiến độ thành lập khu bảo tồn biển, đặc biệt là các khu bảo tồn biển đã được Bộ bàn giao hồ sơ quy hoạch chi tiết cho địa phương; tăng cường và chấn chỉnh công tác quản lý khu bảo tồn biển theo đúng quy định của pháp luật.

- Tổ chức đoàn kiểm tra công tác quản lý bảo tồn biển tại các địa phương nhằm hỗ trợ, hướng dẫn địa phương tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong công tác thành lập và quản lý khu bảo tồn biển.

- Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 29/CT-TTg ngày 01/11/2021 về một số giải pháp cấp bách nhằm tăng cường hiệu quả công tác quản lý Khu bảo tồn biển Việt Nam.

Tổng diện tích các khu bảo tồn biển Việt Nam được phê duyệt tại Quyết định số 742/QĐ-TTg ngày 26/5/2010 là 270.271 ha, trong đó diện tích biển là 169.617 ha. Đến tháng 6/2021 có 174.748,85 ha diện tích biển được bảo tồn và quản lý, chiếm khoảng 0,175% diện tích vùng biển tự nhiên của Việt Nam, chưa đạt được mục tiêu 0,24% được đề ra tại Quyết định số 742/QĐ-TTg ngày 26/5/2010 đến năm 2020.

Trên cơ sở các kết quả điều tra bổ sung, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã đề xuất bổ sung các khu vực có tiềm năng đa dạng sinh học vào dự thảo Quy hoạch bảo vệ và khai thác thủy sản thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, nâng tổng số khu bảo tồn biển lên **27** khu. Sau khi quy hoạch được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Bộ sẽ phối hợp UBND các tỉnh, thành phố ven biển thành lập các khu bảo tồn biển theo quy hoạch nhằm thực hiện mục tiêu về bảo tồn biển đã được đề ra tại Nghị quyết số 36-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã có văn bản số 4000/TTr-BNN-KN ngày 20/6/2023 trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án mở rộng, thành lập mới các khu bảo tồn biển, phục hồi các hệ sinh thái biển đến năm 2030 để đảm bảo diện tích các khu bảo tồn biển, ven biển đạt 6% diện tích tự nhiên vùng biển Việt Nam. Ngày 9/5/2024, Thủ tướng chính phủ đã ban hành quyết định số 389/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Hiện nay, Thủ tướng Chính phủ đang xem xét nội dung đề án theo Quy hoạch Khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản. Khi Đề án được ban hành, Bộ Nông nghiệp và PTNT có trách nhiệm phối hợp với các bộ ban ngành liên quan tổ chức triển khai thực hiện đề án; đôn đốc hướng dẫn các địa phương triển khai các dự án ưu tiên trong đề án được phê duyệt nhằm đạt mục tiêu của đề án và Nghị quyết số 36-NQ/TW về chiến lược phát triển kinh tế biển.

5. Về quản lý hạn ngạch giấy phép khai thác hải sản

Thực hiện khoản 2, Điều 49 Luật Thủy sản năm 2017; điểm a khoản 1, Điều 43 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ; ngày 02/5/2019, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quyết định số 1481/QĐ-BNN-TCTS về việc giao hạn ngạch giấy phép khai thác thủy sản tại vùng khơi cho các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (31.541 giấy phép). Sau khi được giao hạn ngạch giấy phép khai thác thủy sản tại vùng khơi các địa phương đã tổ chức triển khai thực hiện cấp giấy phép khai thác thủy sản cho các tàu cá tại vùng khơi và tổ chức xác định, giao hạn ngạch Giấy phép khai thác thủy sản vùng biển ven bờ, vùng lộng của địa phương theo quy định Điều 49 Luật Thủy sản năm 2017.

Khi thực hiện Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ đã phát sinh một số vướng mắc trong hoạt động khai thác hải sản đối với nhóm tàu cá có công suất từ 90CV trở lên có chiều dài dưới 15 mét trước đây hoạt động tại vùng khơi, theo quy định của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP các tàu cá này phải hoạt động tại vùng lộng. Vì vậy các địa phương đề xuất tháo gỡ vướng mắc đối với đối tượng tàu này.

Để tháo gỡ những vướng mắc nêu trên, Chính phủ chỉ đạo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức cuộc họp với địa phương và các đơn vị có liên quan bàn giải pháp tháo gỡ nhằm thực hiện có hiệu quả trong thực tế. Ngày 23/3/2021, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành Quyết định số 1223/QĐ-BNN-TCTS về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 1481/QĐ-BNN-TCTS trong đó điều chỉnh giao hạn ngạch giấy phép khai thác thủy sản cho các địa phương là 31.297 giấy phép (*Giảm 244 giấy phép so với Quyết định 1481/QĐ-BNN-TCTS*).

Việc triển khai thực hiện cấp và quản lý hạn ngạch giấy phép khai thác thủy sản đến nay đã được các địa phương đánh giá có hiệu quả, phù hợp với quy định của quốc tế, thực tế nghề cá của Việt Nam, đặc biệt là phù hợp với khuyến nghị của Ủy ban Châu Âu EC, tuân thủ quy định của Luật Thủy sản năm 2017 và các văn bản quy định chi tiết Luật Thủy sản.

Thời gian tới, Chính phủ chỉ đạo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cùng các địa phương tiếp tục rà soát, điều chỉnh hạn ngạch giấy phép khai thác thủy sản giai đoạn 2024-2029 theo quy định. Bên cạnh đó tăng cường công tác tuyên truyền, tập huấn nâng cao nhận thức cho ngư dân về tầm quan trọng của việc quản lý hạn ngạch giấy phép khai thác thủy sản; bố trí kinh phí để thực hiện các giải pháp liên quan đến quản lý hạn ngạch giấy phép khai thác thủy sản đảm bảo quản lý tốt hạn ngạch giấy phép khai thác, phát triển nghề khai thác thủy sản hiệu quả, bền vững.

6. Xây dựng chính sách chuyển đổi nghề, tạo sinh kế cho cộng đồng ngư dân sang các nghề khác, bảo đảm đời sống của ngư dân khi thực hiện các giải pháp bảo đảm nguồn lợi thủy sản; hỗ trợ ngư dân trong thời gian tạm ngừng khai thác thủy sản

Thực hiện quy định của Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 và Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ ban hành Kế hoạch tổng thể và kế hoạch 5 năm thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững

kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Ngày 10/3/2022, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tham mưu Thủ tướng Chính phủ đã ký ban hành Quyết định số 208/QĐ-TTg phê duyệt Đề án chuyển đổi một số nghề khai thác hải sản ảnh hưởng đến nguồn lợi và môi trường sinh thái.

Ngày 19/7/2023, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành Quyết định số 2888/QĐ-BNN-TS về kế hoạch triển khai thực hiện Đề án chuyển đổi một số nghề khai thác hải sản ảnh hưởng đến nguồn lợi và môi trường sinh thái.

Để có cơ sở triển khai đề án, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã cùng các Bộ, ngành, địa phương rà soát, nghiên cứu xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, thay thế Nghị định “67” trình Chính phủ ban hành, trong đó tại Điều 11 và Điều 12, dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số “67” có quy định cụ thể: “*Đối tượng được hỗ trợ, mức hỗ trợ và điều kiện, hồ sơ trình tự thực hiện chính sách Hỗ trợ thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản và Hỗ trợ chuyển đổi nghề khai thác thủy sản vùng biển ven bờ*”. Trong đó, có các chính sách hỗ trợ cụ thể như: Kinh phí sửa chữa, nâng cấp nhà sinh hoạt cộng đồng; kinh phí mua sắm trang thiết bị thiết yếu cho hoạt động của tổ chức cộng đồng; kinh phí hoạt động thường xuyên của tổ chức cộng đồng; kinh phí đào tạo nghề mới; mua sắm, trang bị công cụ làm nghề mới; kinh phí cải hoán tàu cá.

Ngày 28/12/2023, Văn phòng Chính phủ có văn bản số 533/PLYK/2023 gửi lấy ý kiến thành viên Chính phủ cho ý kiến đối với dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 67/2014/NĐ-CP. Kết quả lấy ý kiến của Thành viên Chính phủ, cụ thể: có 23 ý kiến Thành viên Chính phủ đồng ý ban hành, trong đó có 07 ý kiến đồng ý ban hành sau khi chỉnh sửa bổ sung theo ý kiến góp ý.

Hiện nay, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đang tiếp tục tiếp thu và giải trình trên cơ sở ý kiến góp ý của thành viên Chính phủ để trình Chính phủ xem xét, ban hành theo kế hoạch.

7. Về việc xây dựng các chính sách nhằm hỗ trợ các khu bảo tồn biển phát triển bền vững

Công tác phát triển các khu bảo tồn biển luôn được Đảng và nhà nước quan tâm, từ 04 khu bảo tồn biển được thành lập trước năm 2010 đến nay đã có 11 khu bảo tồn biển đi vào hoạt động. Về chủ trương của Đảng, Hội nghị lần thứ 8 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XII đã thông qua Nghị Quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trong đó xác định “Quản lý và bảo vệ tốt các hệ sinh thái biển, ven biển và hải đảo; tăng diện tích các khu bảo tồn biển, ven biển đạt tối thiểu 6% diện tích tự nhiên vùng biển quốc gia”. Về việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, trong thời gian qua Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tham mưu xây dựng và ban hành các văn bản từ Luật đến Nghị định và Thông tư hướng dẫn, cụ thể:

- Luật Thủy sản năm 2017 có 02 điều (Điều 15, 16) quy định chung về khu bảo tồn biển và việc thành lập khu bảo tồn biển.

- Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính Phủ về việc quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản trong đó có 05 điều

(Điều 11-15, Mục 3, Chương II) quy định về quản lý các hoạt động trong khu bảo tồn biển và vùng đệm; quyền và trách nhiệm của ban quản lý khu bảo tồn biển; quyền và nghĩa vụ của các tổ chức cá nhân có hoạt động liên quan đến khu bảo tồn biển; nguồn tài chính và quản lý, sử dụng tài chính cho Khu bảo tồn biển.

- Thông tư số 19/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản và Thông tư 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/1/2022 về việc sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực thủy sản, trong đó có 04 điều (Điều 8, 9, 10, 10a) quy định về: Trình tự lập dự án thành lập Khu bảo tồn biển cấp tỉnh; trình tự, thủ tục thẩm định dự án thành lập khu bảo tồn biển cấp tỉnh, quyết định thành lập; Điều chỉnh ranh giới, diện tích khu bảo tồn biển.

Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật tương đối đầy đủ và phù hợp với các quy định chung tạo điều kiện thuận lợi để quản lý và phát triển các khu bảo tồn biển.

Hiện nay, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đang xây dựng và trình Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 về một số chính sách phát triển thủy sản trong đó dự kiến bổ sung một số chính sách về phát triển các khu bảo tồn biển, cụ thể như sau:

- Chính sách thứ nhất: Nhà nước đầu tư 100% kinh phí để xây dựng các hạng mục thiết yếu của khu bảo tồn biển.

- Chính sách thứ hai: Người lao động thực hiện công việc lặn biển; giám sát, quan trắc đa dạng sinh học hệ sinh thái san hô, cỏ biển, rừng ngập mặn, đầm phá, bãi triều - cửa sông; nuôi trồng san hô nhân tạo, được hỗ trợ 100% chi phí đào tạo, nâng cao năng lực chuyên môn.

Nghị định được thông qua sẽ tạo thêm nguồn lực đầu tư cho các địa phương thực hiện Quy hoạch Bảo vệ và Khai thác nguồn lợi thủy sản giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2050, trong đó có nội dung hoàn thiện và xây dựng mới các khu bảo tồn biển để tiến tới hoàn thành được chỉ tiêu của Nghị quyết 36-NQ/TW về chiến lược phát triển kinh tế biển.

8. Về phục hồi, tái tạo nguồn lợi cần tập trung các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm, các loài bản địa, đặc hữu; xây dựng các dự án phục hồi hệ sinh thái rạn san hô, cỏ biển, tạo nơi cư trú nhân tạo

Hoạt động phục hồi, tái tạo nguồn lợi thủy sản được các địa phương trên cả nước triển khai đồng bộ hàng năm, góp phần quan trọng trong việc phục hồi và tái tạo nguồn lợi thủy sản, đặc biệt là các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm. Giai đoạn năm 2012 - 2020, các tỉnh đã thả tái tạo tại các thủy vực tự nhiên khoảng hơn 400 triệu con giống với xu hướng chung là tăng qua các năm. Năm 2021, 2022, do ảnh hưởng của dịch Covid nên hoạt động thả giống tái tạo nguồn lợi thủy sản bị ảnh hưởng. Từ năm 2023, hoạt động thả tái tạo nguồn lợi thủy sản tiếp tục được các địa phương quan tâm, triển khai thực hiện, nhân kỷ niệm 64 năm ngày truyền thống ngành thủy sản, đã có 32/64 tỉnh thành phố phối hợp với Trung ương giáo hội Phật giáo Việt Nam tại địa phương tổ chức thả giống tái tạo nguồn lợi thủy sản vào thủy vực tự nhiên khoảng 26 triệu con giống và 7,9 tấn giống thủy sản, trong đó có nhiều

loài thủy sản nguy cấp, quý hiếm, có giá trị kinh tế cao nhằm tái tạo nguồn lợi thủy sản.

Tại các địa phương, con giống thủy sản được thả vào các vùng biển, thủy vực tự nhiên, hồ chứa, tập trung vào các loài có giá trị kinh tế và các loài cá bản địa quý, hiếm, có nguy cơ tuyệt chủng như: tôm sú, trê, sặc rằn, lãng, chiên.... Nguồn kinh phí thực hiện công tác tái tạo thả giống gồm ngân sách trung ương, ngân sách địa phương và nguồn xã hội hóa từ các tổ chức, cá nhân, công ty, doanh nghiệp...

Công tác bảo vệ, phục hồi hệ sinh thái chủ yếu thông qua việc hình thành các khu bảo tồn, khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản như: hệ thống khu bảo tồn biển góp phần phục hồi hệ sinh thái rạn san hô, cỏ biển; khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản ở Thừa Thiên Huế góp phần phục hồi hệ sinh thái đầm phá. Hoạt động thả rạn nhân tạo, hình thành môi trường sống cho các loài thủy sản được triển khai thí điểm tại một số tỉnh như: Quảng Ninh, Hải Phòng, Quảng Nam, Bình Thuận, Kiên Giang, Thừa Thiên Huế, Cà Mau; trồng cây, phục hồi san hô: Hải Phòng, Quảng Nam, Khánh Hòa.

Ngày 18/01/2024, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 76/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình quốc gia Bảo vệ và Phát triển nguồn lợi thủy sản đến năm 2030. Trong đó, tại khoản 4, Mục II, Điều 1 Quyết định đã đưa vào nội dung chương trình cần thực hiện “Tái tạo, phát triển nguồn lợi thủy sản và phục hồi môi trường sống của loài thủy sản” với các đề án, dự án ưu tiên như: i) *Đề án Tái tạo nguồn lợi thủy sản tại một số thủy vực vùng ven biển và nội địa*; ii) *Đề án tái tạo nguồn lợi thủy sản ở biển, hệ thống sông chính, hồ chứa lớn*; iii) *Đề án tái tạo nguồn lợi thủy sản tại một số thủy vực vùng ven biển và nội địa trong phạm vi địa phương quản lý* và iv) *Dự án Nghiên cứu sinh sản nhân tạo, ương nuôi, thả tái tạo một số loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm, loài thủy sản có giá trị kinh tế, khoa học, loài thủy sản bản địa, loài thủy sản đặc hữu*. Đây sẽ là các nhiệm vụ đề án, dự án Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp tục triển khai thực hiện thời gian tới.

IV. Về việc kiện toàn lực lượng Kiểm ngư và thành lập Kiểm ngư địa phương theo quy định của Luật Thủy sản; tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát và xử lý nghiêm vi phạm pháp luật trong khai thác bất hợp pháp, giảm nhanh và tiến đến chấm dứt tình trạng này, nhất là tại các khu vực có nguy cơ cạn kiệt, suy thoái tài nguyên biển. Đẩy mạnh triển khai thực hiện Đề án “Phòng chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không khai báo và không theo quy định đến năm 2025”. Tiếp tục đàm phán, ký kết, phân định vùng biển chồng lấn, vùng chưa phân định giữa Việt Nam với các nước; xác định ranh giới được phép khai thác hải sản trên các vùng biển nhằm tiến tới chấm dứt tình trạng tàu cá của ngư dân nước ta bị lực lượng chức năng nước ngoài xua đuổi, bắt giữ, xử lý trên vùng biển tiếp giáp với các nước trong khu vực. Phối hợp với các nước thúc đẩy các chuỗi giá trị trong lĩnh vực kinh tế biển, đánh bắt, nuôi trồng thủy sản. Hoàn thành lắp đặt thiết bị hành trình, xử lý dứt điểm những tàu cá khi khai thác hải sản không lắp đặt thiết bị giám sát hành trình, có giải pháp xử lý triệt để đối với tàu cá cố tình không bật thiết bị giám sát hành trình và tự ý ngắt kết nối. Kiểm tra, kiểm soát 100% tàu cá xuất,

nhập bến qua các đồn, trạm biên phòng tuyến biển, bảo đảm đủ các điều kiện tham gia hoạt động khai thác hải sản. Điều tra, xử phạt nghiêm các trường hợp vi phạm khai thác hải sản bất hợp pháp ở vùng biển nước ngoài, nhất là điều tra, xử lý, truy tố hình sự các tổ chức, cá nhân có hành vi môi giới, móc nối đưa tàu cá, ngư dân Việt Nam đi khai thác hải sản bất hợp pháp ở vùng biển nước ngoài. Thực hiện tốt công tác bảo hộ công dân đối với những trường hợp tàu cá và ngư dân đã và đang bị nước ngoài bắt giữ ở vùng nước lịch sử, các khu vực biển chồng lấn. Tiến hành truy xuất nguồn gốc hải sản khai thác; kiểm soát nguyên liệu hải sản khai thác nhập khẩu, đặc biệt nhập khẩu bằng tàu công-ten-nơ. Tập trung cao điểm xử lý các hành vi vi phạm quy định về các hoạt động đánh bắt hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU); tiếp tục thông tin, truyền thông, tuyên truyền, tập huấn, vận động cộng đồng ngư dân ven biển và các tổ chức, cá nhân có liên quan tuân thủ các quy định pháp luật về IUU, phối hợp với các lực lượng chức năng có liên quan kịp thời phát hiện, tố giác, xử lý các hành vi khai thác IUU và vận động Ủy ban châu Âu (EC) sớm gỡ bỏ “thẻ vàng” về hải sản đối với Việt Nam

1. Về kiện toàn lực lượng Kiểm ngư và thành lập Kiểm ngư địa phương theo quy định của Luật Thủy sản

a) Công tác chỉ đạo điều hành

Chính phủ chỉ đạo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng và ban hành các văn bản:

- Văn bản số 6867/BNN-TCCB, ngày 02/10/2020 gửi Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang, Cà Mau đề nghị nghiên cứu thực hiện việc thành lập Kiểm ngư địa phương theo quy định.

- Văn bản số 1246/BNN-TCTS ngày 02/3/2021 về đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố ven biển căn cứ các quy định hiện hành, quyết định thành lập tổ chức Kiểm ngư cấp tỉnh theo thẩm quyền và phù hợp với đặc thù của địa phương.

- Văn bản số 5433/BNN-TCTS ngày 17/8/2022 về đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố ven biển, quan tâm chỉ đạo và sớm quyết định thành lập tổ chức Kiểm ngư cấp tỉnh theo thẩm quyền và phù hợp với đặc thù của địa phương.

- Văn bản số 1697/BNN-TCTS ngày 24/3/2023 gửi UBND các tỉnh khẩn trương thành lập Kiểm ngư địa phương để thực thi pháp luật về khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

b) Kết quả thực hiện

Đến nay, đã có 24/28 tỉnh, thành phố ven biển thành lập tổ chức Kiểm ngư, trong đó: 21 tỉnh thành lập theo mô hình cấp phòng, trạm thuộc Chi cục Thủy sản, thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và 03 tỉnh thành lập theo mô hình cấp Chi cục thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn¹.

¹ Tổ chức Kiểm ngư cấp phòng, trạm: Quảng Ninh, Thanh Hóa, Ninh Thuận, Bình Thuận, Bạc Liêu, Cà Mau; Hải Phòng, Nam Định, Ninh Bình, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị. Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Tiền Giang, Bến Tre, Trà Vinh, Sóc Trăng; Khánh Hòa;
- Tổ chức Kiểm ngư cấp Chi cục: Nghệ An, Cà Mau, Kiên Giang.

c) Đề xuất

Hiện nay, tình hình Biển Đông đang có nhiều diễn biến phức tạp, thiếu ổn định; tình trạng tàu cá và ngư dân khai thác bất hợp pháp, không báo cáo, không theo quy định (khai thác IUU) còn diễn ra phổ biến, phức tạp trên các vùng biển; nghiêm trọng hơn là việc tàu cá Việt Nam vẫn vi phạm khai thác IUU ở vùng biển nước ngoài; đặc biệt ở vùng biển ven bờ, số lượng tàu cá và cường lực khai thác lớn, ngư dân sử dụng phương pháp khai thác thủy sản mang tính hủy diệt nguồn lợi có xu hướng gia tăng, nhưng chưa có đủ lực lượng chuyên trách để thực hiện chức năng tuần tra, kiểm tra, kiểm soát, bảo vệ nguồn lợi thủy sản và đa dạng sinh học, chống khai thác IUU. Cảnh báo “thẻ vàng” của EC đối với sản phẩm thủy sản khai thác của Việt Nam vẫn chưa được tháo gỡ, nguy cơ “cảnh báo” thẻ đỏ là rất lớn nếu không có giải pháp quyết liệt, đồng bộ hơn.

Đề Luật Thủy sản năm 2017 được thực thi hiệu lực, hiệu quả, đồng bộ; tăng cường vai trò của Kiểm ngư trong thực thi pháp luật thủy sản trên biển và sớm gỡ Thẻ vàng của EC đối với thủy sản khai thác của Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố quan tâm, chỉ đạo và sớm quyết định thành lập tổ chức Kiểm ngư theo thẩm quyền trên cơ sở bảo vệ nguồn lợi thủy sản và nguồn lực của địa phương.

2. Về tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát và xử lý nghiêm vi phạm pháp luật trong khai thác bất hợp pháp, giảm nhanh và tiến đến chấm dứt tình trạng này, nhất là tại các khu vực có nguy cơ cạn kiệt, suy thoái tài nguyên biển

Chính phủ chỉ đạo Bộ Nông nghiệp và PTNT cùng các Bộ ngành chức năng chỉ đạo đơn vị chuyên môn phối hợp với các địa phương, ban ngành triển khai thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Công tác quản lý, theo dõi, kiểm tra, kiểm soát hoạt động tàu cá:
 - + Đã tiến hành tổng rà soát tàu cá và cập nhật vào cơ sở dữ liệu nghề cá quốc gia; phân loại theo từng khối tàu để quản lý, đặc biệt là khối tàu cá “03 không”;
 - + Thực hiện chủ trương giảm tàu cá và cường lực khai thác, không cho phép đóng mới, cải hoán tàu cá. Tính đến 30/3/2023, tổng số tàu cá đã đăng ký là 68.946 chiếc (trong đó tàu có chiều dài từ 15 mét trở lên là 29.129 chiếc); cấp GPKTTS còn hạn đối với khối tàu từ 15 mét trở lên đạt 96,4%; đánh dấu tàu cá đạt 96%; xóa đăng ký đối với các tàu không đủ điều kiện;
 - + Các địa phương đã lập danh sách, theo dõi, kiểm soát, quản lý cơ sở dữ liệu tàu cá nguy cơ cao vi phạm khai thác IUU và cập nhật hàng tuần (các cơ quan, lực lượng chức năng có liên quan đều được phép truy cập); lập danh sách tàu cá có chiều dài từ 15 mét trở lên không có giấy phép, chưa lắp thiết bị VMS giao cho cơ quan chức năng, chính quyền cơ sở (xã/phường/thị trấn) theo dõi, kiểm soát;
 - + Tổ chức trực ban 24/24 giờ theo dõi, kiểm soát hoạt động tàu cá trên biển qua hệ thống VMS. Đến nay, số lượng tàu cá đã lắp đặt thiết bị VMS đạt gần 100% (năm 2019 mới đạt khoảng 50%); tàu cá chưa lắp đặt đều được lập danh sách giao các cơ quan, lực lượng chức năng, chính quyền cơ sở theo dõi, kiểm soát.
- Tổ chức thực hiện quy định về truy xuất nguồn gốc thủy sản khai thác:
 - + Thực hiện nghiêm quy định giám sát sản lượng thủy sản khai thác bốc dỡ qua cảng, kể cả các cảng cá, bến cá tư nhân truyền thống theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công điện số 1058/CĐ-TTg; trong đó tập trung vào khối tàu

từ 15 mét trở lên, các loài cá ngừ vây vàng, mắt to, cá cờ kiếm và tàu dịch vụ hậu cần đánh bắt nguồn lợi thủy sản; báo cáo, cập nhật sản lượng thủy sản bốc dỡ qua cảng hàng ngày tại cảng cá trên Googlesheet và thực hiện báo cáo theo quy định tại Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT;

+ Hiện đã thí điểm triển khai hệ thống truy xuất nguồn gốc thủy sản điện tử (eCDT) từ tháng 01/2024: đã cấp tài khoản cho 79.747 tàu cá, 147 cảng cá, 172 đồn biên phòng, 28 Chi cục thủy sản và 89 nhà máy chế biến, doanh nghiệp;

+ Đã triển khai có hiệu quả Hiệp định các biện pháp quốc gia có cảng tại 14 cảng biển chỉ định cho tàu nước ngoài cập cảng: Từ tháng 10/2023 đến ngày 15/3/2024 đã xác nhận 394 lô hàng/8.995 tấn của 15 loài thủy sản khai thác nhập khẩu, chưa nhận được phản ánh, vướng mắc liên quan đến các lô hàng xác nhận. Bên cạnh đó, các địa phương vẫn đang tiếp tục điều tra, xử lý vụ “rửa cá kiếm” theo khuyến nghị của EC tại đợt thanh tra lần thứ 4.

- Thực thi pháp luật, tập trung điều tra, xử lý hành vi khai thác IUU: Các lực lượng thực thi pháp luật tăng cường tuần tra, kiểm tra, kiểm soát, điều tra, xử lý các hành vi vi phạm khai thác IUU; điều tra, xử lý các hành vi vi phạm quy định về ngắt kết nối VMS, vi phạm khai thác bất hợp pháp ở vùng biển nước ngoài, nổi bật (đã khởi tố 04 vụ án liên quan đến môi giới, móc nối đưa tàu cá, ngư dân đi khai thác bất hợp pháp).

3. Về triển khai thực hiện Đề án “Phòng, chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định đến năm 2025”

Thủ tướng Chính phủ ban hành các văn bản: 01 Quyết định, 03 Công điện²; Tổ chức 02 Hội nghị do Thủ tướng Chính phủ chủ trì, chỉ đạo trực tiếp đến các xã/phường/thị trấn có biển tại 28 tỉnh, thành phố ven biển trực thuộc Trung ương, ban hành 02 Kết luận (*Thông báo số 393/TB-VPCP ngày 27/12/2022 và Thông báo số 412/TB-VPCP ngày 12/10/2023 của Văn phòng Chính phủ*).

Trưởng Ban Chỉ đạo quốc gia về IUU: Tổ chức 04 cuộc họp của Ban Chỉ đạo quốc gia về IUU sơ kết, đánh giá và triển khai các giải pháp chống khai thác IUU, ban hành 04 Kết luận của Trưởng Ban Chỉ đạo quốc gia về IUU (*Thông báo Kết luận số 302/TB-VPCP ngày 26/9/2022, Thông báo Kết luận số 209/TB-VPCP ngày 07/6/2023, Thông báo Kết luận số 539/TB-VPCP ngày 25/12/2023, Thông báo Kết luận số 54/TB-VPCP ngày 16/02/2024 của Văn phòng Chính phủ*); Tổ chức 02 Đoàn công tác do Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang - Trưởng Ban Chỉ đạo quốc gia về IUU chủ trì đi khảo sát, kiểm tra thực tế tình hình chống khai thác IUU tại các tỉnh Cà Mau, Kiên Giang, Bà Rịa Vũng Tàu.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo quốc gia về IUU) ban hành các văn bản chỉ đạo: Quyết định số 2710/QĐ-BNN-

² (*Quyết định số 81/QĐ-TTg ngày 13/02/2023 về Kế hoạch hành động chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định, chuẩn bị làm việc với Đoàn Thanh tra của Ủy ban châu Âu lần thứ 4; Công điện số 265/CD-TTg ngày 17/4/2023 về tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc thúc đẩy sản xuất, tiêu thụ nông sản; thực hiện 3 Chương trình mục tiêu quốc gia; chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định; Công điện số 916/CD-TTg ngày 04/10/2023 về tập trung thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cấp bách, trọng tâm chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định, chuẩn bị đón và làm việc với Đoàn Thanh tra của Ủy ban châu Âu lần thứ 4; Công điện số 1058/CD-TTg ngày 04/11/2023 về tập trung thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cấp bách, trọng tâm chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định, gỡ cảnh báo “Thẻ vàng” của Ủy ban châu Âu*).

KN ngày 06/7/2023 phân công thực hiện Quyết định số 1077/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Phòng, chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định đến năm 2025”; các cơ quan, đơn vị được giao chủ trì nhiệm vụ đã và đang tập trung triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao. Hàng năm, tổ chức trên 10 Đoàn công tác do lãnh đạo Bộ chủ trì đi kiểm tra tình hình chống khai thác IUU tại địa phương và ban hành các văn bản chỉ đạo, đơn đốc, hướng dẫn tổ chức thực hiện. Ngày 10/4/2024, Ban Bí thư ban hành Chỉ thị số 32-CT/TW về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định và phát triển bền vững ngành thủy sản

Các bộ, ban ngành, địa phương có liên quan đã và đang tích cực triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chống khai thác IUU theo chỉ đạo của Thường trực Ban Bí thư, của Thủ tướng Chính phủ và Trưởng Ban Chỉ đạo quốc gia về IUU; tập trung khắc phục các tồn tại, hạn chế trong chống khai thác IUU để chuẩn bị làm việc với Đoàn Thanh tra của Ủy ban châu Âu lần thứ 5.

4. Về tiếp tục đàm phán, ký kết, phân định vùng biển chồng lấn, vùng chưa phân định giữa Việt Nam với các nước; xác định ranh giới được phép khai thác hải sản trên các vùng biển nhằm tiến tới chấm dứt tình trạng tàu cá của ngư dân nước ta bị lực lượng chức năng nước ngoài xua đuổi, bắt giữ, xử lý trên vùng biển tiếp giáp với các nước trong khu vực. Phối hợp với các nước thúc đẩy các chuỗi giá trị trong lĩnh vực kinh tế biển, đánh bắt, nuôi trồng thủy sản

Chính phủ giao Bộ Nông nghiệp và PTNT phối hợp với Bộ Ngoại giao đàm phán, ký kết, phân định vùng biển chồng lấn, vùng biển chưa phân định giữa Việt Nam và các nước; xác định ranh giới được phép khai thác hải sản trên các vùng biển nhằm tiến tới chấm dứt tình trạng tàu cá của ngư dân nước ta bị lực lượng chức năng nước ngoài xua đuổi, bắt giữ, xử lý trên vùng biển tiếp giáp với các nước trong khu vực. Hiện đã hoàn tất việc phân định vùng đặc quyền kinh tế giữa Việt Nam và In-đô-nê-xi-a (*đang chờ Quốc hội của hai nước phê chuẩn*).

- Phối hợp với các bộ, ngành, địa phương có liên quan: (i) Tăng cường công tác ngoại giao với các nước để điều tra, xác minh, xử lý các vụ việc tàu cá Việt Nam vi phạm khai thác bất hợp pháp ở vùng biển nước ngoài; đồng thời đấu tranh, phản đối các nước bắt giữ, xử lý trái phép tàu cá và ngư dân tại khu vực vùng biển chồng lấn, tranh chấp chưa phân định, vùng nước lịch sử; (ii) Kịp thời xác minh nhân thân ngư dân bị nước ngoài bắt giữ, xử lý để thực hiện công tác bảo hộ công dân về nước, đề nghị các nước đối xử nhân đạo, không sử dụng vũ lực hoặc đe dọa sử dụng vũ lực khi bắt giữ, xử lý tàu cá, ngư dân Việt Nam.

- Tiếp tục tăng cường các hoạt động hợp tác quốc tế song phương, đa phương trong lĩnh vực thủy sản (*nuôi trồng, khai thác, chế biến xuất khẩu thủy sản...*), các hoạt động hợp tác chống khai thác IUU với các nước, tổ chức nghề cá khu vực và quốc tế; vận động ngoại giao, tranh thủ sự ủng hộ của các nước đối với việc gỡ cảnh báo “Thẻ vàng” cho Việt Nam.

- Hợp tác với các nước như Mỹ, Úc... để nâng cao năng lực thực thi pháp luật cho các lực lượng chức năng của Việt Nam trong tuần tra, kiểm tra, kiểm soát, xử lý các hành vi vi phạm khai thác IUU.

- Định kỳ hàng năm tổ chức các cuộc họp trực tuyến, trực tiếp với Tổng vụ các vấn đề về Biển và Thủy sản (DG-Mare) của Ủy ban châu Âu để cập nhật, trao đổi kết quả, nỗ lực chống khai thác IUU, vận động gỡ cảnh báo “Thẻ vàng”.

Hiện nay với các nước song phương: Bộ đang phối hợp với Na Uy, Nhật Bản, Hàn Quốc, Hà Lan, liên minh Châu Âu thông qua việc tổ chức hội thảo, các diễn đàn khoa học công nghệ để chia sẻ công nghệ và đề xuất các dự án trong phát triển nuôi biển; chú trọng tới nuôi cá biển, tôm hùm, trồng rong biển, tảo biển theo định hướng phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn. Trong khuôn khổ hợp tác đa phương: tham gia cùng FAO, WWF, IUCN, UNDP xây dựng và triển khai các dự án về sử dụng bền vững nguồn lợi thủy sản, phát triển nghề cá bền vững, phát triển trồng rong biển, nuôi nhuyễn thể, nuôi biển, đảm bảo sinh kế cho cộng đồng ngư dân ven biển.

5. Về việc hoàn thành lắp đặt thiết bị hành trình, xử lý dứt điểm những tàu cá khi khai thác hải sản không lắp đặt thiết bị giám sát hành trình, có giải pháp xử lý triệt để đối với tàu cá cố tình không bật thiết bị giám sát hành trình và tự ý ngắt kết nối

Đến nay việc lắp đặt thiết bị giám sát hành trình trên tàu cá (VMS) đã đạt **gần 100%** (*năm 2019 mới đạt khoảng 50%*); các tàu chưa lắp đặt thiết bị VMS đã được lập danh sách theo dõi, kiểm soát. Tổ chức trực ban 24/24 giờ để theo dõi, kiểm soát tàu cá trên biển qua hệ thống VMS để xử lý các trường hợp mất kết nối trên 6 tiếng không báo cáo vị trí, quá 10 ngày không quay về bờ theo quy định.

Các địa phương đã thực hiện nghiêm túc, đảm bảo theo quy định việc lập danh sách tàu cá nguy cơ cao vi phạm khai thác IUU, tàu cá chưa lắp đặt thiết bị VMS, chưa có giấy phép khai thác....; đồng thời báo cáo, chia sẻ kịp thời với cơ quan quản lý Trung ương, các tỉnh khác, các cơ quan, chức năng có liên quan để theo dõi, kiểm soát, xử lý các trường hợp vi phạm.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã thiết lập cơ sở dữ liệu tàu cá có nguy cơ cao trong cả nước trên hệ thống VMS, được cập nhật hàng tuần; các cơ quan, lực lượng chức năng có liên quan (*Cảng cá, Chi cục Thủy sản, Biên phòng...*) đều được phép truy cập.

6. Về kiểm tra, kiểm soát 100% tàu cá xuất, nhập bến qua các đồn, trạm biên phòng tuyến biển, bảo đảm đủ các điều kiện tham gia hoạt động khai thác hải sản. Điều tra, xử phạt nghiêm các trường hợp vi phạm khai thác hải sản bất hợp pháp ở vùng biển nước ngoài, nhất là điều tra, xử lý, truy tố hình sự các tổ chức, cá nhân có hành vi môi giới, móc nối đưa tàu cá, ngư dân Việt Nam đi khai thác hải sản bất hợp pháp ở vùng biển nước ngoài. Thực hiện tốt công tác bảo hộ công dân đối với những trường hợp tàu cá và ngư dân đã và đang bị nước ngoài bắt giữ ở vùng nước lịch sử, các khu vực biển chồng lấn

Trong thời gian qua, các lực lượng thực thi pháp luật đã tăng cường kiểm soát, đảm bảo 100% tàu cá ra vào cảng, xuất nhập bến qua các đồn/trạm biên phòng phải đảm bảo đầy đủ điều kiện theo quy định; đặc biệt là thiết bị VMS phải hoạt

động bình thường theo quy định từ lúc rời cảng, xuất bến đi khai thác đến khi nhập bến, cập cảng bốc dỡ sản phẩm thủy sản khai thác.

Các lực lượng thực thi pháp luật thực hiện cao điểm tuần tra, kiểm tra, kiểm soát, điều tra, xử lý các hành vi vi phạm khai thác IUU; điều tra, xử lý các hành vi vi phạm quy định về ngắt kết nối VMS, vi phạm khai thác bất hợp pháp ở vùng biển nước ngoài từ đầu năm 2023 đến nay theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, cụ thể:

- Từ đầu năm 2024 đến nay, xảy ra 14 vụ/80 ngư dân bị nước ngoài bắt giữ, xử lý giảm 03 tàu/24 ngư dân so với cùng kỳ năm 2023; trong đó có 09 tàu/29 ngư dân chưa xác minh được địa phương do cố tình sử dụng số đăng ký giả hoặc xóa số đăng ký để vi phạm.

- Đã khởi tố 04 vụ án liên quan đến môi giới, móc nối đưa tàu cá, ngư dân đi khai thác bất hợp pháp ở vùng biển nước ngoài; trong đó tỉnh Kiên Giang đã đưa ra truy tố, xét xử 01 vụ án, đã thể hiện quyết tâm của Việt Nam trong ngăn chặn, xử lý các hành vi khai thác bất hợp pháp ở vùng biển nước ngoài, tạo sự răn đe, giáo dục rất nghiêm trong cộng đồng ngư dân (*hiện đang tiếp tục hoàn tất hồ sơ để truy tố, xét xử các vụ còn lại*).

Chính phủ chỉ đạo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp chặt chẽ với các Bộ: Ngoại giao, Quốc phòng, Công an và địa phương, cũng như các Hội, hiệp hội thủy sản thực hiện tốt công tác bảo hộ công dân đối với những trường hợp tàu cá và ngư dân đã và đang bị nước ngoài bắt giữ ở vùng nước lịch sử, các khu vực biển chồng lấn; phối hợp với Cục Lãnh sự, Bộ Ngoại giao để bảo hộ cho các ngư dân. Trong đường lối đối ngoại liên quan đến vấn đề Biển Đông, luôn khẳng định lập trường nhất quán của Việt Nam là mọi tranh chấp phải được giải quyết thông qua các biện pháp hòa bình trên cơ sở Công ước Luật Biển 1982; đối với hoạt động khai thác thủy sản trên biển đề nghị các nước không hình sự hóa khi bắt giữ, xử lý tàu cá, ngư dân hai nước.

- Đối với các nước bắt giữ, xử lý trái phép tàu cá, ngư dân ta: thực hiện phối hợp xác minh thông tin, làm rõ vụ việc; Có công hàm phản đối, yêu cầu bồi thường thiệt hại về tính mạng, tài sản cho ngư dân; Tổ chức các đoàn công tác thăm hỏi, động viên ngư dân yên tâm bám biển sản xuất, góp phần bảo vệ chủ quyền biển đảo của Tổ quốc.

- Đối với các vụ việc tàu cá, ngư dân ta vi phạm khai thác bất hợp pháp ở vùng biển các nước: Đề nghị đối xử nhân đạo, không dùng vũ lực, hay đe dọa sử dụng vũ lực; Đề nghị cung cấp thông tin, bản án, chứng cứ tàu cá, ngư dân ta vi phạm để xử lý theo quy định pháp luật của Việt Nam, thể hiện trách nhiệm quốc tế của Việt Nam trong ngăn chặn, xử lý các trường hợp vi phạm trong bối cảnh Việt Nam bị cảnh báo “Thẻ vàng”.

- Về công tác phối hợp bảo hộ đưa ngư dân về nước: Bộ Nông nghiệp và PTNT đã phối hợp với Bộ Ngoại giao kịp thời xác minh thông tin nhân dân của ngư dân để đưa về nước an toàn; điển hình như năm 2016, 2017 đã phối hợp đưa tổng cộng 567 ngư dân từ In-đô-nê-xi-a về nước bằng đường biển.

7. Về truy xuất nguồn gốc hải sản khai thác, kiểm soát nguyên liệu hải sản khai thác nhập khẩu, đặc biệt là nhập khẩu bằng tàu công -ten - no

a) Đối với sản phẩm thủy sản khai thác trong nước:

- Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ giao, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã thí điểm triển khai hệ thống truy xuất nguồn gốc thủy sản điện tử (eCDT) trên toàn quốc từ tháng 01 năm 2024; đã cấp tài khoản cho 79.747 tàu cá, 147 cảng cá, 172 đơn vị biên phòng, 28 Chi cục thủy sản và 89 nhà máy chế biến, doanh nghiệp (*Đến nay trên hệ thống đã có 1.711 tàu cá xuất bến, 474 lượt tàu cập cảng bốc dỡ sản phẩm thủy sản khai thác*).

Trong thời gian tới, việc áp dụng đồng bộ, thống nhất hệ thống truy xuất nguồn gốc thủy sản điện tử (eCDT) sẽ đảm bảo cập nhật liên tục, kịp thời, chính xác và ngăn ngừa việc sửa đổi dữ liệu; đảm bảo một cơ sở dữ liệu tập trung về số lượt tàu cá ra vào cảng, xuất nhập bến, nhật ký khai thác thủy sản và thu mua chuyên tải, giám sát sản lượng bốc dỡ qua cảng của tàu cá, giấy biên nhận, giấy SC, giấy CC liên thông trên toàn quốc.

- Đã tổ chức triển khai tổng rà soát công tác xác nhận, chứng nhận truy xuất nguồn gốc thủy sản khai thác tại các cơ quan, doanh nghiệp thủy sản; đặc biệt liên quan đến lô hàng cá kiểm theo khuyến nghị của EC; đến nay các địa phương chưa phát hiện thêm các hành vi vi phạm.

b) Đối với sản phẩm thủy sản khai thác nhập khẩu:

- Thực hiện triển khai Hiệp định các biện pháp quốc gia có cảng (Hiệp định PSMA) tại 14 cảng biển chỉ định cho tàu nước ngoài cập cảng: Các cơ quan, đơn vị có liên quan đang tiếp tục triển khai thực hiện đảm bảo theo quy định tại Hiệp định PSMA. Kết quả trong năm 2023 đã tiếp nhận 20 lượt tàu nước ngoài cập cảng chỉ định để nhập khẩu thủy sản từ khai thác với khối lượng 42.483.430 kg; trong 02 tháng đầu năm 2024 đã tiếp nhận 06 lượt tàu với khối lượng 14.352.320 kg.

- Tiếp tục triển khai thực hiện đảm bảo các quy định về kiểm soát tại các nhà máy nhập khẩu thủy sản để đảm bảo thành phần loài (số lượng và loài) mà doanh nghiệp khai báo; kết quả từ tháng 10/2023 đến hết ngày 15/3/2024 đã xác nhận 394 lô hàng/8.995 tấn của 15 loài thủy sản khai thác nhập khẩu, chưa nhận được phản ánh, vướng mắc liên quan đến các lô hàng xác nhận.

- Triển khai Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản; trong thời gian tới tập trung triển khai thực hiện nghiêm quy định kiểm soát nguyên liệu hải sản khai thác nhập khẩu, đặc biệt là nhập khẩu bằng tàu công ten nơ.

- Nghị định số 38/2024/NĐ-CP ngày 05/4/2024 thay thế Nghị định số 42/2019/NĐ-CP của Chính phủ, đã quy định xử phạt đối với hành vi trộn lẫn nguyên liệu thủy sản có nguồn gốc từ khai thác trong nước và thủy sản có nguồn gốc từ khai thác nhập khẩu vào Việt Nam xuất khẩu đi các thị trường có yêu cầu cần xác nhận, chứng nhận thủy sản từ khai thác theo các mức phạt từ 30 triệu đồng đến 300 triệu đồng.

- Các vụ việc vi phạm trong truy xuất nguồn gốc bị phát hiện tại đợt thanh tra lần thứ 4 đã được điều tra, xử lý nghiêm theo quy định như: (i) Công ty TNHH T&H đã bị xử phạt 256.054.757 đồng, đến nay không còn hoạt động sản xuất thủy sản để xuất khẩu đi các thị trường thế giới; (ii) Đưa ra khỏi danh sách cảng cá chỉ

định đủ điều kiện xác nhận sản phẩm thủy sản khai thác đối với Cảng cá Hưng Thái, Cảng cơ khí tàu thuyền trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa; (iii) Các tổ chức, cá nhân có liên quan tại các cảng cá như Cảng cá Tam Quan của tỉnh Bình Định, Cảng cá Hưng Thái, Cảng cơ khí tàu thuyền trên địa bàn tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu đã chỉ đạo các cơ quan, chức năng xử lý nghiêm sai phạm theo quy định.

8. Về tập trung cao điểm xử lý các hành vi vi phạm quy định về các hoạt động đánh bắt hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU)

Từ đầu năm 2023 đến nay theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, các lực lượng thực thi pháp luật thực hiện cao điểm tuần tra, kiểm tra, kiểm soát, điều tra, xử lý các hành vi vi phạm khai thác IUU; điều tra, xử lý các hành vi vi phạm quy định về ngắt kết nối VMS, vi phạm khai thác bất hợp pháp ở vùng biển nước ngoài. Tại các Đoàn công tác của Bộ Nông nghiệp và PTNT thường xuyên nhắc nhở, phê bình các tỉnh còn hạn chế trong công tác thực thi pháp luật, xử phạt các hành vi vi phạm khai thác IUU.

Thiết lập các cơ chế hợp tác với các cơ quan, lực lượng chức năng của các nước trong khu vực như Ma-lai-xi-a, Thái Lan, In-đô-nê-xi-a...kịp thời trao đổi thông tin về hoạt động nghề cá, tàu cá bị bắt giữ, xử lý... Đại sứ quán Việt Nam các nước tích cực làm việc với nước sở tại để thu thập thông tin, tài liệu bắt giữ, xử lý tàu cá, ngư dân Việt Nam; tuy nhiên một số nước như Ma-lai-xi-a chưa thật sự hợp tác trong trao đổi, xử lý tàu cá, ngư dân Việt Nam bị bắt giữ, xử lý.

Tình hình thực thi pháp luật, xử lý các hành vi khai thác IUU đến nay đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, cụ thể: Từ đầu năm 2024 đến nay, các lực lượng thực thi pháp luật đã xử phạt trên **90** tỷ đồng đối với các trường hợp vi phạm khai thác IUU, trong đó: (i) Vi phạm khai thác bất hợp pháp ở vùng biển nước ngoài đã xử phạt trên **08** tỷ đồng; trong đó tỉnh Kiên Giang đã áp dụng hình thức phạt bổ sung tịch thu tàu cá vi phạm; (ii) Vi phạm quy định về VMS đã xử phạt trên **29** tỷ đồng; (iii) Vi phạm quy định về đăng ký, cấp phép và các vi phạm khác đã xử phạt trên **53** tỷ đồng.

Tại Nghị định số 38/2024/NĐ-CP ngày 05/4/2024 thay thế Nghị định số 42/2019/NĐ-CP của Chính phủ đã quy định chế tài xử phạt đối với tàu cá vượt ra ngoài ranh giới vùng đặc quyền kinh tế (EEZ) mà không được phép; và quy định các phương tiện, trang thiết bị kỹ thuật, trong đó có hệ thống VMS phục vụ công tác xử phạt các hành vi vi phạm trong lĩnh vực thủy sản. Vì vậy, trong thời gian tới việc thực thi pháp luật, xử phạt các hành vi vi phạm khai thác IUU sẽ nâng cao được hiệu lực, hiệu quả trong triển khai thực hiện, đảm bảo sự nghiêm minh của pháp luật.

9. Về tiếp tục thông tin, truyền thông, tuyên truyền, tập huấn, vận động cộng đồng ngư dân ven biển và các tổ chức, cá nhân có liên quan tuân thủ các quy định pháp luật về IUU, phối hợp với các lực lượng chức năng có liên quan kịp thời phát hiện, tố giác, xử lý các hành vi khai thác IUU và vận động Ủy ban châu Âu (EC) sớm gỡ bỏ “Thẻ vàng” về hải sản đối với Việt Nam

Công tác truyền thông, tuyên truyền, tập huấn được đẩy mạnh từ Trung ương đến địa phương cả trong nước với nhiều hình thức đa dạng (*Truyền hình, phát*

thanh, báo giấy, báo điện tử, pano, áp phích, sổ tay, thư kêu gọi, phân công cán bộ cơ sở, đảng viên phụ trách một số hộ gia đình để tuyên truyền, vận động ngư dân không vi phạm khai thác IUU...) và trên các diễn đàn quốc tế, trong đó có sự tham gia tích cực của các Hội, Hiệp hội thủy sản.

Hàng năm tổ chức các lớp tuyên truyền, tập huấn các quy định pháp luật thủy sản, chống khai thác IUU cho cộng đồng ngư dân ven biển, hải đảo và các tổ chức, cá nhân có liên quan để nâng cao ý thức chấp hành pháp luật, không vi phạm khai thác IUU, ảnh hưởng đến nỗ lực gỡ cảnh báo “Thẻ vàng” vì sinh kế của cộng đồng ngư dân; đến nay đã nắm được các quy định chống khai thác IUU để tuân thủ thực hiện.

V. Về theo dõi sát diễn biến thị trường và giá lương thực trên thế giới, có kế hoạch vừa đáp ứng đầy đủ nhu cầu lúa gạo trong nước, bảo đảm vững chắc an ninh lương thực, vừa đáp ứng nhu cầu xuất khẩu tăng cao. Phối hợp với bộ, ngành, địa phương quản lý, điều phối công tác thu mua, chế biến, bảo quản lúa gạo, bảo đảm ổn định thị trường trong nước, hài hòa lợi ích người trồng lúa, doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gạo. Kiểm soát chặt chẽ việc chuyển đổi đất trồng lúa, nhất là đất chuyên trồng lúa nước sang đất phi nông nghiệp, đặc biệt là đất khu công nghiệp

1. Về theo dõi sát diễn biến thị trường và giá lương thực trên thế giới, có kế hoạch vừa đáp ứng đầy đủ nhu cầu lúa gạo trong nước, bảo đảm vững chắc an ninh lương thực, vừa đáp ứng nhu cầu xuất khẩu tăng cao

a) Công tác chỉ đạo sản xuất

Trong năm 2023, sản xuất trồng trọt gặp nhiều khó khăn: Thời tiết diễn biến thất thường, các đợt không khí lạnh kéo dài ảnh hưởng đến sinh trưởng, phát triển và năng suất của cây trồng. Trước bối cảnh đó, Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Nông nghiệp và PTNT điều chỉnh hợp lý kế hoạch sản xuất lúa để vừa đáp ứng đầy đủ nhu cầu lúa gạo trong nước, bảo đảm vững chắc an ninh lương thực, vừa đáp ứng nhu cầu xuất khẩu tăng cao, cụ thể:

- Đối với các tỉnh phía Nam: Rà soát sắp xếp mùa vụ hợp lý cho những vùng có nguy cơ hạn, mặn và đề ra các biện pháp khắc phục cụ thể trước và trong thời điểm xuống giống, đồng thời điều chỉnh kế hoạch, lịch thời vụ gieo trồng lúa cho từng khu vực trong từng tỉnh.

- Đối với các tỉnh phía Bắc: Sớm xác định sản xuất lúa năm 2023 tiềm ẩn nhiều rủi ro nên đã cùng các địa phương chủ động xây dựng kế hoạch sản xuất với nhiều giải pháp ứng phó linh động phù hợp.

- Thường xuyên theo dõi tình hình nguồn nước cung cấp cho sản xuất, rà soát, bố trí lịch thời vụ linh hoạt, chặt chẽ và ban hành nhiều văn bản chỉ đạo sản xuất, tổ chức các hội nghị kịp thời, dự báo sớm, chính xác về tình hình sâu bệnh, nguồn nước; phối hợp và điều tiết nguồn nước theo vùng, liên vùng. Chủ động chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa; chuyển dịch cơ cấu giống lúa với cách tiếp cận nâng cao giá trị, giảm chi phí và thích ứng với biến đổi khí hậu.

b) Kết quả sản xuất lúa 2023, kế hoạch sản xuất lúa năm 2024

- Kết quả sản xuất năm 2023: Tổng diện tích gieo cấy lúa năm 2023 đạt 7,12 triệu ha, tăng gần 10 ngàn ha so với năm 2022; năng suất trung bình đạt 61,0 tạ/ha,

tăng khoảng 1,0 tạ/ha; sản lượng đạt 43,46 triệu tấn thóc, tăng khoảng 797 nghìn tấn so với năm 2022, đáp ứng đủ nhu cầu tiêu thụ trong nước, chế biến, làm thức ăn chăn nuôi và xuất khẩu; Xuất khẩu gạo đạt hơn 8,1 triệu tấn, với kim ngạch thu về 4,67 tỷ USD, tăng 14,4% về lượng và tăng 35,3% về kim ngạch so với năm 2022.

- Kế hoạch sản xuất năm 2024: Tổng diện tích gieo cấy lúa năm 2024 dự kiến đạt 7,09 triệu ha, giảm khoảng 28,4 ngàn ha so với năm 2023; năng suất dự kiến đạt 61,2 tạ/ha, tăng khoảng 0,2 tạ/ha; sản lượng ước đạt 43,4 triệu tấn thóc, giảm khoảng 35 nghìn tấn so với năm 2023, phần đầu đáp ứng đủ nhu cầu tiêu thụ trong nước, chế biến, làm thức ăn chăn nuôi và xuất khẩu.

2. Về phối hợp với các bộ, ngành, địa phương quản lý, điều phối công tác thu mua, chế biến, bảo quản lúa gạo, bảo đảm ổn định thị trường trong nước, hài hòa lợi ích người trồng lúa, doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gạo

Thủ tướng Chính phủ ban hành một số Quyết định, Chỉ thị như sau:

- Quyết định 1490/QĐ-TTg ngày 27/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Phát triển bền vững một triệu héc ta chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng ĐBSCL đến năm 2030”, với mục tiêu: Hình thành một triệu ha vùng chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tổ chức lại hệ thống sản xuất theo chuỗi giá trị, áp dụng các quy trình canh tác bền vững nhằm gia tăng giá trị, phát triển bền vững của ngành lúa gạo, 3 nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, thu nhập và đời sống của người trồng lúa, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm phát thải khí nhà kính góp phần thực hiện các cam kết của Việt Nam với quốc tế.

- Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 02/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu lúa, gạo bền vững, minh bạch, hiệu quả trong tình hình mới.

3. Về kiểm soát chặt chẽ việc chuyển đổi đất trồng lúa, nhất là đất chuyên trồng lúa nước sang đất phi nông nghiệp, đặc biệt là đất khu công nghiệp

Trong thời gian qua, Chính phủ chỉ đạo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường kiểm soát chặt chẽ việc chuyển đổi đất trồng lúa, nhất là đất chuyên trồng lúa nước sang đất phi nông nghiệp, đặc biệt là đất khu công nghiệp, cụ thể: Việc chuyển đổi đất trồng lúa, nhất là đất chuyên trồng lúa nước sang đất phi nông nghiệp phải đảm bảo đáp ứng đầy đủ điều kiện, tiêu chí, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa theo quy định.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tổ chức tổng kết, đánh giá việc thi hành pháp luật về quản lý, sử dụng đất trồng lúa tại 03 Nghị định (Nghị định số 35/2015/NĐ-CP, Nghị định số 62/2019/NĐ-CP, Nghị định số 94/2019/NĐ-CP); Thực hiện Kế hoạch triển khai thi hành Luật Đất đai số 31/2024/QH15, ngày 6/5/2024, Bộ Tư pháp đã họp Hội đồng tư vấn thẩm định; đến nay, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đang hoàn thiện, trình Chính phủ hồ sơ Nghị định quy định chi tiết về đất trồng lúa.

VI. Về hoàn thiện và phê duyệt Quy hoạch lâm nghiệp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 536/QĐ-TTg ngày 17/4/2020 về phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (quy hoạch), Bộ Nông nghiệp và PTNT đã xây dựng báo cáo Quy hoạch Lâm nghiệp quốc gia và đã được Hội đồng thẩm định họp ngày 10/12/2022, thông qua tại Biên bản phiên họp Hội đồng thẩm định, ký ngày 13/6/2023.

Bộ Nông nghiệp và PTNT đã có Văn bản số 4504/BNN-LN ngày 11/7/2023 gửi các thành viên Hội đồng thẩm định đề nghị tham gia ý kiến đối với dự thảo Báo cáo thẩm định quy hoạch và Hồ sơ quy hoạch.

Ngày 07/8/2023, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã có văn bản số 5377/BNN-LN ngày 07/8/2023, trình Phó Thủ tướng Trần Lưu Quang, Chủ tịch Hội đồng thẩm định Quy hoạch phê duyệt Báo cáo thẩm định quy hoạch.

Ngày 20/10/2023 Phó Thủ tướng Chính phủ đã tổ chức phiên họp về Quy hoạch lâm nghiệp cùng với Bộ Nông nghiệp và PTNT, một số Bộ, ngành, địa phương; sau phiên họp Thủ tướng Chính phủ đã có Văn bản số 992/TTg-NN ngày 23/10/2023 về tiếp tục hoàn thiện dự thảo Quy hoạch lâm nghiệp, trên cơ sở đó Bộ Nông nghiệp và PTNT đã có Văn bản số 7628/BNN-LN ngày 23/10/2023 về Hồ sơ Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, gửi các Bộ ngành, địa phương có liên quan và đã nhận được ý kiến của 06 Bộ và 47 địa phương cho ý kiến. Trên cơ sở ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tổng hợp, tiếp thu giải trình và báo cáo Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang, Chủ tịch Hội đồng thẩm định Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia tại Văn bản số 8787/BNN-LN ngày 30/11/2023 về việc hoàn thiện Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Thực hiện chỉ đạo của Phó Thủ tướng, Chủ tịch Hội đồng thẩm định Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia về chuẩn bị tài liệu phục vụ họp thẩm định lại Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia tại Văn bản số 1182/VPCP-NN ngày 23/02/2024 của Văn phòng Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã chỉ đạo tiếp tục hoàn thiện Hồ sơ Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia báo cáo Phó Thủ tướng, Chủ tịch Hội đồng thẩm định Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia tại Văn bản số 1356/BNN-LN ngày 28/02/2024.

Như vậy, Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia trong quá trình lập đã tuân thủ theo quy trình lập quy hoạch được quy định tại khoản 2 Điều 16 Luật quy hoạch và pháp luật về lâm nghiệp.

Để đảm bảo tiến độ thời gian và là cơ sở cho các ngành, địa phương triển khai các hoạt động có liên quan, Thủ tướng Chính phủ đang xem xét phê duyệt Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia, bảo đảm theo quy định của pháp luật về quy hoạch lâm nghiệp, để làm cơ sở triển khai các bước tiếp theo về triển khai quy hoạch.

VII. Về việc hoàn thiện và phê duyệt Quy hoạch hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

Thực hiện Quyết định số 665/QĐ-TTg ngày 20/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về giao nhiệm vụ lập Quy hoạch hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão

cho tàu cá thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (sau đây gọi tắt là “Quy hoạch”). Bộ Nông nghiệp và PTNT đã triển khai thực hiện việc xây dựng và hoàn thiện quy hoạch, cụ thể như sau:

- Ngày 20/5/2020, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 665/QĐ-TTg giao nhiệm vụ lập Quy hoạch hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (sau đây gọi tắt là “Quy hoạch”).

- Ngày 21/7/2020, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quyết định số 2749/QĐ-BNN-TCTS phê duyệt dự toán chi tiết và kế hoạch lựa chọn nhà thầu thực hiện nhiệm vụ lập Quy hoạch hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Đã tổ chức khảo sát địa hình, khảo sát thủy hải văn bùn cát, lập mô hình số trị, xây dựng các báo cáo chuyên đề của Quy hoạch.

- Xây dựng khung Quy hoạch, xin ý kiến góp ý của các Bộ, ngành và 28 tỉnh, thành phố ven biển, tiếp thu tổng hợp và hoàn thiện khung Quy hoạch.

- Tổ chức 02 hội thảo tại Hải Phòng và Bà Rịa - Vũng Tàu và 01 hội thảo toàn quốc để xin ý kiến góp ý của các Bộ, ngành, địa phương.

- Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1150/QĐ-TTg ngày 30/9/2022 thành lập hội đồng Quy hoạch Hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch và phân công nhiệm vụ thẩm định Quy hoạch hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (tại Quyết định số 23/QĐ-HĐTĐQH ngày 15/4/2023).

- Ngày 30/9/2023, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có văn bản xin ý kiến góp ý của 26 thành viên Hội đồng thẩm định Quốc gia theo Quyết định số 1150/QĐ-TTg và tổng hợp, giải trình, tiếp thu các ý kiến của thành viên Hội đồng.

- Ngày 23/11/2023, Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang đã chủ trì họp Hội đồng thẩm định Quy hoạch tại Văn phòng Chính phủ với sự có mặt của 25 thành viên Hội đồng, số phiếu thông qua Quy hoạch là 100%.

- Trình phê duyệt Quy hoạch: Ngày 20/2/2024, Chủ tịch Hội đồng thẩm định đã ký Biên bản Họp Hội đồng Quốc gia. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã gửi các thành viên Hội đồng xin ý kiến về báo cáo thẩm định và Hồ sơ đã hoàn thiện theo góp ý của thành viên Hội đồng trước khi trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (Công văn bản số 1352/BNN-TS ngày 28/2/2024).

Hiện nay Bộ đã nhận được 22/24 ý kiến, còn 02 Bộ chưa có ý kiến đối với Quy hoạch là: Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường. Bộ sẽ tiếp tục đôn đốc 02 Bộ để báo cáo Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Tổng hợp đầy đủ ý kiến các thành viên Hội đồng; tiếp tục phối hợp với cơ quan thường trực Hội đồng để tiếp thu, giải trình đối với báo cáo thẩm định và Hồ sơ Quy hoạch (sau khi họp hội đồng). Tham mưu trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt Quy hoạch trong quý II/2024.

VIII. Về đẩy nhanh xây dựng và tổ chức thực hiện Đề án “Phát triển bền vững 1 triệu héc-ta chuyên canh lúa chất lượng cao gắn với tăng trưởng xanh vùng Đồng bằng sông Cửu Long”

1. Tình hình triển khai thực hiện

Đề án “Phát triển bền vững 1 triệu héc-ta chuyên canh lúa chất lượng cao gắn với tăng trưởng xanh vùng Đồng bằng sông Cửu Long” được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1490/QĐ-TTg ngày 27/11/2023. Bộ Nông nghiệp và PTNT đã khẩn trương chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trong Bộ và hướng dẫn địa phương triển khai các nhiệm vụ, giải pháp của Đề án. Kết quả cụ thể như sau:

- Ban hành Quyết định số 5648/QĐ-BNN-TCCB ngày 22/12/2023 thành lập Ban Chỉ đạo (BCĐ) thực hiện Đề án. BCĐ do Bộ trưởng làm Trưởng BCĐ, Thứ trưởng Trần Thanh Nam là Phó Trưởng ban, lãnh đạo của 1 số Bộ ngành và địa phương 12 tỉnh đồng bằng sông Cửu Long tham gia Đề án và Đại diện Ngân hàng Thế giới tại Việt Nam là thành viên.

- Ban hành Kế hoạch của Bộ NN&PTNT thực hiện Đề án tại Quyết định số 720/QĐ-BNN-KH ngày 13/3/2024.

- Tổ chức Hội nghị triển khai Đề án tại Kiên Giang; tổ chức nhiều hội nghị, hội thảo, họp bàn triển khai Đề án và các nội dung của Đề án.

- Căn cứ vào Đề án, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã chỉ đạo Cục Trồng trọt ban hành Quyết định số 145/QĐ-TT-CLT ngày 27/3/2024 ban hành Quy trình và sổ tay hướng dẫn “Quy trình kỹ thuật sản xuất lúa chất lượng cao và phát thải thấp vùng Đồng bằng sông Cửu Long” để hỗ trợ, hướng dẫn nông dân, khuyến nông viên, hợp tác xã, trang trại, doanh nghiệp và cán bộ quản lý trong thực hiện Đề án 1 triệu ha. Trên cơ sở quy trình hướng dẫn sẽ giúp cho nông dân sản xuất hiệu quả hơn và giảm phát thải, góp phần vào mục tiêu mà Thủ tướng Chính phủ đã cam kết tại COP26 “phấn đấu đạt mức phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050”.

Đến nay, Bộ đang tiếp tục triển khai các nhiệm vụ, giải pháp của Đề án như xây dựng Khung MRV cho sản xuất 1 triệu ha lúa chất lượng cao phát thải thấp; xây dựng dự án vốn vay của Ngân hàng Thế giới để hỗ trợ triển khai Đề án;

2. Nhiệm vụ triển khai trong thời gian tới

- Hoàn thiện phân công nhiệm vụ cho các thành viên BCĐ;

- Tiếp tục đôn đốc các địa phương ban hành Kế hoạch triển khai Đề án của từng địa phương;

- Tổ chức triển khai nhiệm vụ theo Kế hoạch của Bộ NN&PTNT thực hiện Đề án tại Quyết định số 720/QĐ-BNN-KH ngày 13/3/2024.

IX. Về giải pháp xử lý tình trạng sụt, lún vùng Đồng bằng sông Cửu Long

1. Tình hình triển khai thực hiện

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Thông báo số 349/TB-VPCP ngày 24/8/2023 của Văn phòng Chính phủ về Kết luận của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính tại buổi làm việc về phòng, chống sụt lún, sạt lở và ngập úng ở đồng bằng sông Cửu Long, trong đó giao Bộ Nông Nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan và các địa phương triển khai “*Nghiên cứu, đề xuất giải pháp tổng thể về phòng chống sụt lún, sạt lở, ngập úng cho vùng đồng bằng sông Cửu Long*”. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam thực hiện tại Quyết định số 213/QĐ-BNN-ĐĐ ngày 09/01/2024. Đến nay, đã thực hiện và hoàn thành 03/07 nội dung theo đề cương

được phê duyệt gồm:

- Thu thập, rà soát, cập nhật thông tin, dữ liệu, các kết quả nghiên cứu về tình trạng sụt lún đất, sạt lở bờ sông, bờ biển và ngập úng ở đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL).

- Điều tra khảo sát bổ sung tình trạng sụt lún, hệ thống công trình khai thác nước ngầm; diễn biến sạt lở bờ sông, bờ biển; hệ thống phòng chống ngập úng khu vực đô thị và nông thôn.

- Phân tích đánh giá thực trạng lún sụt, sạt lở, ngập úng và hiện trạng phòng, chống lún sụt, sạt lở, ngập úng.

Đang triển khai 04/07 nội dung gồm:

- Đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội liên quan đến phòng, chống sụt lún, sạt lở bờ sông, bờ biển và ngập úng; phân tích các tác động phát triển kinh tế, xã hội làm gia tăng tình trạng sụt lún, sạt lở, ngập úng khu vực ĐBSCL.

- Nghiên cứu và đánh giá các nguyên nhân chính của tình trạng lún sụt đất, sạt lở bờ sông, bờ biển và ngập úng ở ĐBSCL.

- Nghiên cứu, đánh giá những thách thức và dự báo các kịch bản về sụt lún, sạt lở, ngập úng.

- Đề xuất các giải pháp tổng thể phòng chống sụt lún, sạt lở, ngập úng.

2. Nhiệm vụ thời gian tới

Chính phủ giao Bộ Nông nghiệp và PTNT triển khai các nội dung sau:

- Đôn đốc, tập trung các nguồn lực thực hiện nhiệm vụ “*Nghiên cứu, đề xuất giải pháp tổng thể về phòng chống sụt lún, sạt lở, ngập úng cho vùng ĐBSCL*” đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng.

- Phối hợp với các cơ quan liên quan và Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam cập nhật các số liệu, kết quả nghiên cứu phục vụ cho việc phân tích, đề xuất giải pháp tổng thể về phòng, chống sụt lún, sạt lở, ngập úng cho vùng ĐBSCL.

Trên đây là Báo cáo về việc thực hiện Nghị quyết số 853/NQ-UBTVQH15 về hoạt động chất vấn tại Phiên họp thứ 25 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XV về lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn, Chính phủ trân trọng báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội và các vị Đại biểu Quốc hội./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng và các phó Thủ tướng Chính phủ;
- Tổng thư ký Quốc hội;
- UBKT của Quốc hội;
- UBKH, Công nghệ và MT của Quốc hội;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- VPQH: PVHĐGS, HC, Tin học;
- VPCP: QHĐP, KTTH;
- Lưu: VT, NN.

**TM. CHÍNH PHỦ
TU. THỦ TƯỚNG
BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

(Đã ký)

Lê Minh Hoan